

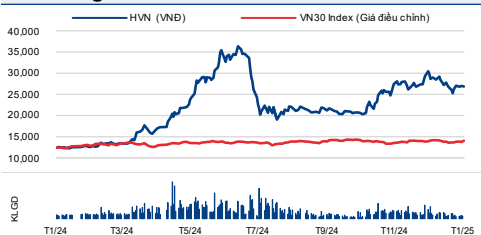
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ34,500
Tiềm năng tăng/giảm: 28.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (24/1/2025)	26,850
Mã Bloomberg	HVN VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	12,300-36,350
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	26,820
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	59,446
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	2,370
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,214
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	664
Slg CP NN được mua (tr.đv)	500
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.42%
Tỷ lệ freefloat	6.99%
Cổ đông lớn	nhà nước tại doanh ng (55.2%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	91,540	104,257	106,287
EBITDA đc (tỷ đồng)	3,399	10,766	11,575
LNTT (tỷ đồng)	(5,363)	8,052	4,788
LNT ĐC (tỷ đồng)	(5,930)	7,161	3,871
FCF (tỷ đồng)	686	3,424	3,934
EPS ĐC (đồng)	(2,678)	3,234	1,748
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	(7,910)	(4,677)	(2,929)
T.trưởng EBITDA (%)	179	217	7.51
T.trưởng EPS ĐC (%)	47.5	221	(45.9)
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	3.71	10.3	10.9
Tỷ suất LNTT (%)	(5.86)	7.72	4.51
Tỷ suất LNT ĐC (%)	(6.48)	6.87	3.64
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	(143)	(208)	(270)
ROAE (%)	40.8	(51.4)	(46.0)
ROACE (%)	(96.2)	(1,343)	132
EV/doanh thu (lần)	0.93	0.78	0.73
EV/EBITDA ĐC (lần)	24.9	7.54	6.67
P/E ĐC (lần)	N/a	8.30	15.4
P/B (lần)	(3.39)	(5.74)	(9.17)
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Vietnam Airlines là hãng hàng không quốc gia Việt Nam, được thành lập từ năm 1995

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/2024: Lợi nhuận HĐKD cốt lõi tích cực, vượt dự báo

- Lợi nhuận thuần Q4/2024 của HVN đạt 921 tỷ đồng (so với lỗ thuần 2,1 nghìn tỷ đồng trong Q4/2023), tăng 20% so với quý trước. Ngoại trừ các khoản mục không thường xuyên (chủ yếu liên quan đến tỷ giá), LNTT từ HĐKD cốt lõi tăng lên 1,97 nghìn tỷ đồng (so với lỗ HĐKD cốt lõi 2,1 nghìn tỷ đồng trong Q4/2023 và tăng 108% so với quý trước).
- Lợi nhuận thuần năm 2024 đạt 6,9 nghìn tỷ đồng, thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi ở mức 7,2 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, nếu ngoại trừ các khoản mục không thường xuyên trong tất cả các giai đoạn, LNTT từ HĐKD cốt lõi đạt 5,9 nghìn tỷ đồng, cao hơn 31% so với dự báo của chúng tôi.
- Nhờ KQKD Q4/2024 vững chắc, HSC đang xem xét lại dự báo lợi nhuận năm 2025-2026.
- Hiện tại, chúng tôi khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu là 34.500đ (tiềm năng tăng giá: 29%).

Sự kiện: Công bố BCTC Q4/2024

Lợi nhuận thuần Q4/2024 đạt 921 tỷ đồng (so với lỗ thuần 2,1 nghìn tỷ đồng trong Q4/2023) trên doanh thu thuần 26,6 nghìn tỷ đồng (tăng 12% so với cùng kỳ và đi ngang so với quý trước). Ngoại trừ các khoản mục không thường xuyên (chủ yếu là lỗ tỷ giá), LNTT từ HĐKD cốt lõi Q4/2024 đạt 1,97 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh từ lỗ HĐKD cốt lõi 2,1 nghìn tỷ đồng trong Q4/2023 và lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi 946 tỷ đồng trong Q3/2024. Lợi nhuận chuyển biến tích cực do nhu cầu quốc tế phục hồi, lợi ích từ hoạt động tái cấu trúc và tác động của việc giảm cạnh tranh (do đối thủ cạnh tranh Bamboo Airways thu hẹp quy mô kinh doanh từ nửa cuối năm 2023) trở nên trầm trọng hơn do thiếu máy bay.

Mặc dù lợi nhuận thuần thực tế thấp hơn dự báo của chúng tôi ở mức 1,1 nghìn tỷ đồng, LNTT từ HĐKD cốt lõi cao hơn dự báo ở mức 780 tỷ đồng, đa phần nhờ hệ số sử dụng ghế và lợi suất hành khách cao hơn kỳ vọng, cùng với chi phí đơn vị thấp (nhờ tác động của giá nhiên liệu bay bình quân thấp hơn giả định của chúng tôi).

Trong năm 2024, doanh thu thuần đạt 105,8 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 16%), lợi nhuận thuần đạt 6,9 nghìn tỷ đồng (so với lỗ thuần 5,9 nghìn tỷ đồng trong năm 2023), và LNTT từ HĐKD cốt lõi đạt 5,9 nghìn tỷ đồng (so với lỗ HĐKD cốt lõi 4 nghìn tỷ đồng trong năm 2023). Các kết quả trên lần lượt hoàn thành 101%, 96% và 131% dự báo của chúng tôi.

Lợi nhuận vững chắc nhờ lợi suất hành khách tăng và chi phí đơn vị giảm

Lợi nhuận Q4/2024 cải thiện mạnh so với cùng kỳ và quý trước đa phần nhờ hệ số sử dụng ghế tăng, lợi suất hành khách tăng và chi phí đơn vị giảm. Cụ thể như sau.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 28/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024, HVN

Lợi nhuận cốt lõi Q4/2024 cải thiện so với lỗ HĐKD cốt lõi trong Q4/2023 là 2,1 nghìn tỷ đồng, tăng 108% so với quý trước

	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2023	2024	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	26,625	12%	0%	91,540	105,786	16%
Lợi nhuận thuần	921	N/m	20%	(5,930)	6,883	N/m
LNTT cốt lõi	1,970	N/m	108%	(3,991)	5,892	N/m

Nguồn: HVN

- **Công suất (ASK; công suất ghế luân chuyển)** trong quý cải thiện 6% so với cùng kỳ (giảm 1% so với quý trước). Trong khi đó, lưu lượng hành khách (RPK; lưu lượng khách luân chuyển) tăng mạnh hơn ở mức 7% so với cùng kỳ (tăng 1% so với quý trước). Theo đó, hệ số sử dụng ghế tăng lên 81,2% so với 80,5% trong Q4/2023 và 80,3% trong Q3/2024.
- **Lợi suất hành khách** tăng 9% so với cùng kỳ (và tăng 1% so với quý trước), có thể do tăng giá vé do giảm áp lực cạnh tranh trong bối cảnh thiếu máy bay.
- **Chi phí đơn vị** giảm 6% so với cùng kỳ (và giảm 3% so với quý trước) nhờ giá nhiên liệu bay bình quân giảm (ở mức 87,3 USD/thùng, giảm 23% so với cùng kỳ và 9% so với quý trước). Lưu ý, nhiên liệu bay đóng góp lên đến 30-35% chi phí đơn vị của HVN.

Theo đó, lợi nhuận gộp Q4/2024 tăng mạnh lên 4,4 nghìn tỷ đồng (so với lỗ gộp 189 tỷ đồng trong Q4/2023), tăng 61% so với quý trước.

Lỗ tài chính tăng mạnh do lỗ tỷ giá và các khoản lỗ khác

Lỗ tài chính Q4/2024 được ghi nhận ở mức 1,5 nghìn tỷ đồng (so với lỗ thuần chỉ 460 tỷ đồng và 249 tỷ đồng lần lượt trong Q4/2023 và Q3/2024). Lỗ tài chính chủ yếu do lỗ tỷ giá 866 tỷ đồng và các khoản lỗ khác 696 tỷ đồng (thông tin cụ thể chưa được công bố).

Trong khi đó, tại kỳ họp trong tháng 12/2024, Quốc hội đã đồng ý cho Vietnam Airlines (HVN) không phải đóng số tiền phạt 528 tỷ đồng do chậm nộp thuế cho công ty con Pacific Airlines (HVN sở hữu 98% cổ phần, chưa niêm yết). Do HVN đã trích lập dự phòng cho khoản tiền phạt này trong Q3/2024, nên HVN đã thực hiện hoàn nhập khoản tiền này trong Q4/2024.

Tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu tăng

Chi phí bán hàng & quản lý đạt 2,2 nghìn tỷ đồng trong Q4/2024, tăng 44% so với cùng kỳ và 43% so với quý trước. Tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu đạt 8,4%, cao hơn mức 6,6% trong Q4/2023 và 5,9% trong Q3/2024, do Công ty tăng chi phí thưởng cho nhân viên dựa trên KQKD tích cực của năm 2024.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu 34.500đ

Hiện tại, chúng tôi khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu là 34.500đ (tiềm năng tăng giá: 29%).

Đáng lưu ý, với lợi nhuận HĐKD cốt lõi Q4/2024 cao hơn dự báo do hệ số sử dụng ghế và lợi suất hành khách cao hơn kỳ vọng và chi phí đơn vị thấp hơn kỳ vọng, HSC sẽ xem xét lại dự báo lợi nhuận trong thời gian tới.

Bảng 2: Chỉ số hoạt động, HVN

Lưu lượng hành khách và lợi suất hành khách trong Q4/2024 cải thiện so với cùng kỳ và so với quý trước

	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2023	2024	Tăng trưởng
Số lượng hành khách (triệu)	5.5	6.0%	-9.1%	21.0	22.7	8.0%
Quốc tế	2.0	4.0%	9.5%	6.3	7.4	15.9%
Trong nước	3.5	7.1%	-16.9%	14.7	15.3	4.5%
ASKs (tỷ ghế.km)	11.7	5.7%	-0.6%	42.5	46.1	8.6%
RPKs (tỷ khách.km)	9.5	6.7%	0.5%	33.2	37.1	11.7%
Lợi suất hành khách	81.2%	+0.9ppts	+1.1ppts	78.2%	80.4%	+2.2ppts

Nguồn: HVN, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	70,410	91,540	104,257	106,287	111,292
Lợi nhuận gộp	(2,876)	3,885	12,291	13,113	13,446
Chi phí BH&QL	(4,964)	(6,473)	(6,777)	(6,909)	(7,234)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	(7,840)	(2,587)	5,514	6,205	6,212
Lãi vay thuần	(3,452)	(3,479)	(2,865)	(1,834)	(1,564)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	74.1	88.2	194	204	214
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	273	615	5,209	214	224
LN TT	(10,945)	(5,363)	8,052	4,788	5,087
Chi phí thuế TNDN	(278)	(269)	(452)	(456)	(479)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(75.1)	(299)	(440)	(462)	(485)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	(11,298)	(5,930)	7,161	3,871	4,123
Lợi nhuận thuần ĐC	(11,298)	(5,930)	7,161	3,871	4,123
EBITDA ĐC	(4,304)	3,399	10,766	11,575	11,592
EPS (đồng)	(5,102)	(2,678)	3,234	1,748	1,862
EPS ĐC (đồng)	(5,102)	(2,678)	3,234	1,748	1,862
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,214	2,214	2,214	2,214	2,214
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,214	2,214	2,214	2,214	2,214
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,214	2,214	2,214	2,214	2,214

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	2,490	2,551	1,584	2,266	7,688
Đầu tư ngắn hạn	897	920	834	850	890
Phải thu khách hàng	4,898	6,122	6,025	6,142	6,431
Hàng tồn kho	2,875	3,431	3,284	3,348	3,506
Các tài sản ngắn hạn khác	1,170	1,860	1,676	1,709	1,789
Tổng tài sản ngắn hạn	12,330	14,884	13,404	14,316	20,305
TSCĐ hữu hình	16,033	13,706	11,218	8,773	6,330
TSCĐ vô hình	174	148	182	219	259
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	662	507	1,914	1,916	1,924
Đầu tư vào Cty LD,LK	1,183	1,299	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	30,254	27,173	23,790	21,213	18,805
Tổng tài sản dài hạn	48,306	42,833	37,104	32,122	27,318
Tổng cộng tài sản	60,636	57,717	50,508	46,437	47,623
Nợ ngắn hạn	13,400	17,562	12,875	9,317	6,849
Phải trả người bán	28,175	30,797	20,851	15,943	14,468
Nợ ngắn hạn khác	9,744	12,280	13,541	13,805	14,455
Tổng nợ ngắn hạn	51,800	61,171	47,874	39,684	36,419
Nợ dài hạn	14,868	9,806	10,002	10,202	10,407
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1.03	1.27	1.45	1.48	1.55
Nợ dài hạn khác	5,023	3,764	2,546	2,596	2,718
Tổng nợ dài hạn	19,892	13,572	12,550	12,800	13,126
Tổng nợ phải trả	71,692	74,743	60,424	52,484	49,546
Vốn chủ sở hữu	(11,563)	(17,515)	(10,357)	(6,486)	(2,363)
Lợi ích cổ đông thiểu số	507	489	440	440	440
Tổng vốn chủ sở hữu	(11,056)	(17,026)	(9,917)	(6,046)	(1,923)
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,636	57,717	50,508	46,437	47,623
BVPS (đ)	(5,222)	(7,910)	(4,677)	(2,929)	(1,067)
Nợ thuần/(tiền mặt)	25,778	24,817	21,293	17,254	9,568

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	(7,840)	(2,587)	5,514	6,205	6,212
Khấu hao	(3,536)	(5,986)	(5,252)	(5,370)	(5,379)
Lãi vay thuần	(3,452)	(3,479)	(2,865)	(1,834)	(1,564)
Thuế TNDN đã nộp	(274)	(231)	(434)	(456)	(479)
Thay đổi vốn lưu động	13,337	(971)	(10,198)	(5,956)	(2,319)
Khác	(2,714)	(2,579)	3,464	(917)	(626)
LCT thuần từ HKKD	6,894	1,004	3,742	4,206	7,865
Đầu tư TS dài hạn	(952)	(318)	(318)	(272)	(290)
Góp vốn & đầu tư	(1,531)	(1,095)	100	105	110
Thanh lý	864	834	0.00	0.00	0.00
Khác	3,075	1,246	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	1,456	667	(218)	(167)	(180)
Cổ tức trả cho CSH	(409)	(306)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(4,041)	1,621	(4,490)	(3,358)	(2,264)
Khác	(3,154)	(2,928)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(7,604)	(1,613)	(4,490)	(3,358)	(2,264)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,714	2,490	2,551	1,584	2,266
LCT thuần trong kỳ	746	57.6	(967)	682	5,422
Ảnh hưởng của tỷ giá	30.9	3.14	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,490	2,551	1,584	2,266	7,688
Dòng tiền tự do	5,941	686	3,424	3,934	7,575

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	(4.08)	4.24	11.8	12.3	12.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	(6.11)	3.71	10.3	10.9	10.4
Tỷ suất LNT (%)	(16.0)	(6.48)	6.87	3.64	3.70
Thuế TNDN hiện hành (%)	(2.54)	(5.02)	5.61	9.52	9.41
Tăng trưởng doanh thu (%)	152	30.0	13.9	1.95	4.71
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	60.3	179	217	7.51	0.15
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	12.5	47.5	221	(45.9)	6.53
Tăng trưởng EPS (%)	35.5	47.5	221	(45.9)	6.53
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	36.1	47.5	221	(45.9)	6.53
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	224	40.8	(51.4)	(46.0)	(93.2)
ROACE (%)	(51.1)	(96.2)	(1,343)	132	69.2
Vòng quay tài sản (lần)	1.14	1.55	1.93	2.19	2.37
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(0.88)	(0.39)	0.68	0.68	1.27
Số ngày tồn kho	14.3	14.3	13.0	13.1	13.1
Số ngày phải thu	24.4	25.5	23.9	24.1	24.0
Số ngày phải trả	140	128	82.8	62.5	54.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(224)	(143)	(208)	(270)	(416)
Nợ/tài sản (%)	46.9	47.8	45.8	42.6	36.8
EBIT/lãi vay (lần)	(2.27)	(0.74)	1.92	3.38	3.97
Nợ/EBITDA (lần)	(6.61)	8.11	2.15	1.71	1.51
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.24	0.24	0.28	0.36	0.56
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.22	0.93	0.78	0.73	0.62
EV/EBITDA ĐC (lần)	(19.9)	24.9	7.54	6.67	5.99
P/E (lần)	N/a	N/a	8.30	15.4	14.4
P/E ĐC (lần)	N/a	N/a	8.30	15.4	14.4
P/B (lần)	(5.14)	(3.39)	(5.74)	(9.17)	(25.2)
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn